



Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0203004251

0204000020

0200168673

0200168673

ngày 29 tháng 4 năm 2008

ngày 11 tháng 1 năm 2012

ngày 11 tháng 8 năm 2012

ngày 25 tháng 8 năm 2014

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0200168673 ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Trung Phúc

Ông Phạm Mạnh Hà

Ông Nguyễn Thế Trung

Ông Trần Quang Nho

Bà Nguyễn Thị Xuân Hà

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(đến ngày 4/5/2016)

Thành viên

(đến ngày 25/2/2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Mạnh Hà

Ông Phan Đình Lượng

Ông Quách Đình Nguyên

Ông Đàm Quang Trung

Bà Nguyễn Thị Xuân Hà

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 25/2/2016)

Trụ sở đăng ký

Số 8, Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Đong tàu Sông Cấm Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đong tàu Sông Cấm (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc 

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hải Phòng,

25-04-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-04-2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hợp đồng đóng tàu Bạch Long Vỹ

Liên quan đến hợp đồng số 34/2013/HĐTCĐT ngày 20 tháng 3 năm 2013 đóng tàu Bạch Long Vỹ, Công ty đã giao cho nhà thầu phụ thực hiện việc đóng tàu Bạch Long Vỹ từ năm 2013 và đã ghi nhận các chi phí thực tế phát sinh của Công ty liên quan đến con tàu này. Tuy nhiên, chúng tôi không được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến các chi phí thực tế phát sinh của nhà thầu phụ trong việc đóng con tàu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, việc đóng con tàu này vẫn chưa được hoàn thành và quyết toán với nhà thầu phụ. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của số dư hàng tồn kho – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí phải trả và phải trả người bán. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với các số dư hàng tồn kho – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí phải trả, phải trả người bán, doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế phải nộp Nhà nước, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 hay không.

Đây là một trong những vấn đề dẫn đến việc trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 8 năm 2016 chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các vấn đề liên quan đến khoản đầu tư vào công ty liên kết

Trong năm 2015, Công ty ghi nhận tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Đóng tàu Damen Sông Cấm (“Damen Sông Cấm”) 140.850 triệu VND và thu nhập khác tương ứng với phần chênh lệch giữa giá trị được đánh lại so với giá trị sổ sách của tài sản Công ty góp vốn vào Damen Sông Cấm là 136.574 triệu VND. Căn cứ vào biên bản giao nhận vốn góp liên doanh được ký giữa Công ty và Công ty Damen Holding Vietnam B.V (đơn vị góp 70% vốn điều lệ của Damen Sông Cấm), việc ghi nhận tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản thu nhập khác nói trên cần được thực hiện trong năm 2013, thay vì năm 2015. Trong năm 2015, Công ty cũng thực hiện việc trích lập dự phòng đầu tư dài hạn cho khoản đầu tư vào Damen Sông Cấm là 68.306 triệu VND tương ứng với toàn bộ số dự phòng cần phải trích lập từ năm 2013 đến năm 2015 nếu khoản đầu tư này được ghi nhận tại thời điểm phát sinh giao dịch là năm 2013. Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm 2015 được ghi nhận tăng 15.650 triệu VND do ảnh hưởng của việc ghi nhận khoản thu nhập khác và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nói trên. Công ty đã thực hiện nộp khoản thuế tăng thêm này trong năm 2015. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 8 năm 2016 về báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các vấn đề nêu trên có ảnh hưởng đối với tính có thể so sánh của thông tin tài chính năm hiện tại liên quan đến các khoản mục chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp với các số liệu so sánh tương ứng. Nếu Công ty ghi nhận các giao dịch nói trên vào đúng thời điểm phát sinh là năm 2013, chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 sẽ giảm tương ứng 22.973 triệu VND, 136.574 triệu VND và VND24.992 triệu VND.



Đồng thời, do khoản thu nhập từ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị đánh giá lại của các tài sản mang đi góp vốn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần được ghi nhận từ năm 2013, Công ty cũng cần xem xét để điều chỉnh lại số thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản lãi do nộp chậm thuế tương ứng qua các năm. Theo tính toán của chúng tôi, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm trong năm 2013 nhưng đến thời điểm 1 tháng 1 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2016 chưa được ghi nhận và nộp đủ là 4.739 triệu VND và tiền lãi do chậm nộp thuế tương ứng tính đến ngày 1 tháng 1 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2016 chưa được ghi nhận và nộp là 10.127 triệu VND và 10.819 triệu VND. Ảnh hưởng về thuế này có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-559-12



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **25-04-2017**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		508.448.350.679	540.861.194.137
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	129.944.513.059	117.269.373.541
Tiền	111		104.944.513.059	50.269.373.541
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	67.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.158.989.147	171.944.078.999
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	131.708.165.920	107.267.506.961
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.174.625.766	62.841.405.818
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.365.625.071	3.410.203.588
Dự phòng phải thu ngắn hạn	137	7	(89.427.610)	(1.575.037.368)
Hàng tồn kho	140	8	184.015.996.116	207.481.193.539
Hàng tồn kho	141		187.007.363.189	207.481.193.539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.991.367.073)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		42.328.852.357	44.166.548.058
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.328.852.357	44.166.548.058
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		595.634.136.481	543.938.667.636
Tài sản cố định	220		256.048.475.779	276.843.178.655
Tài sản cố định hữu hình	221	9	192.973.526.819	213.779.136.581
Nguyên giá	222		518.222.868.980	518.647.287.972
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(325.249.342.161)	(304.868.151.391)
Tài sản cố định vô hình	227	10	63.074.948.960	63.064.042.074
Nguyên giá	228		65.111.117.833	64.761.117.833
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.036.168.873)	(1.697.075.759)
Tài sản dở dang dài hạn	240		161.919.546.158	99.964.364.770
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	161.919.546.158	99.964.364.770
Đầu tư tài chính dài hạn	250		177.626.482.318	167.091.491.985
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	12	235.397.400.000	235.397.400.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(57.770.917.682)	(68.305.908.015)
Tài sản dài hạn khác	260		39.632.226	39.632.226
Chi phí trả trước dài hạn	261		39.632.226	39.632.226
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.104.082.487.160	1.084.799.861.773

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đong Tàu Sông Cấm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		287.749.341.595	267.960.997.626
Nợ ngắn hạn	310		287.749.341.595	267.960.997.626
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	17.261.123.478	31.067.324.460
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.441.362.062	12.246.553.062
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	8.937.422.801	24.034.312.123
Phải trả người lao động	314		40.925.069.946	61.032.444.246
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	15.208.614.907	11.645.946.439
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	95.796.899.832	60.750.772.905
Vay ngắn hạn	320	17	13.600.000.000	9.873.628.600
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	35.740.451.610	29.970.284.285
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	22.838.396.959	27.339.731.506
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		816.333.145.565	816.838.864.147
Vốn chủ sở hữu	410	20	816.333.145.565	816.838.864.147
Vốn cổ phần	411	21	619.689.260.000	619.689.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		619.689.260.000	619.689.260.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.260.192.185	14.260.192.185
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	92.811.830.823	92.811.830.823
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.571.862.557	90.077.581.139
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		55.804.740.232	3.186.090.937
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		33.767.122.325	86.891.490.202
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.104.082.487.160	1.084.799.861.773

25 -04- 2017

Người lập:

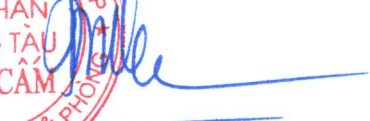


Phan Thị Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Tùng
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	448.426.800.036	682.227.829.745
Giá vốn hàng bán	11	26	361.330.843.785	564.553.408.357
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		87.095.956.251	117.674.421.388
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.655.310.638	5.486.383.374
Chi phí tài chính	22	28	(8.372.318.028)	95.420.563.191
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		472.889.521	128.667.472
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	82.187.154.405	86.573.802.753
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		16.936.430.512	(58.833.561.182)
Thu nhập khác	31	30	28.624.035.449	171.496.013.463
Chi phí khác	32		2.209.618.240	420.997.250
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		26.414.417.209	171.075.016.213
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.350.847.721	112.241.455.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	9.583.725.396	25.349.964.829
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		33.767.122.325	86.891.490.202
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	545	1.402

25-04-2017

Người lập:



Phan Thị Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Tùng
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		43.350.847.721	112.241.455.031
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		56.349.471.894	47.995.783.603
Các khoản dự phòng	03		(1.773.455.935)	67.930.050.720
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(715.140.329)	74.790.476
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(14.051.674.325)	(141.034.642.143)
Chi phí lãi vay	06		472.889.521	128.667.472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		83.632.938.547	87.336.105.159
Biến động các khoản phải thu	09		21.622.785.553	(222.349.718)
Biến động hàng tồn kho	10		20.473.830.350	38.557.188.148
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.662.286.772	34.716.498.757
			128.391.841.222	160.387.442.346
Tiền lãi vay đã trả	14		(468.777.800)	(126.484.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.755.061.918)	(17.181.786.001)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.568.069.012)	(4.467.670.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95.599.932.492	138.611.500.948
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(99.913.295.560)	(47.897.043.681)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		15.052.061.814	3.051.824.090
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.181.314.223	3.139.693.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.679.919.523)	(41.705.525.724)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		63.358.757.982	36.712.460.411
Tiền trả nợ gốc vay	34		(59.632.386.582)	(38.093.249.435)
Tiền trả cổ tức	36		(3.811.611.550)	(48.976.294.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.240.150)	(50.357.083.607)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		11.834.772.819	46.548.891.617
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		117.269.373.541	70.795.272.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		840.366.699	(74.790.476)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	129.944.513.059	117.269.373.541

25 -04- 2017

Người lập:



Phan Thị Hiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Tùng
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty là:

- Đóng mới tàu thủy, thiết bị và phương tiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong đó, hoạt động chính của Công ty là đóng mới tàu thủy, đóng thuyền, sửa chữa và bảo dưỡng tàu thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Nhà máy Đóng tàu Bến Kiên, được hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0200168673-002 ngày 25 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.150 nhân viên (1/1/2016: 1.215 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của các vật tư đóng tàu chính và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp đích danh. Giá gốc của các khoản mục hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị đã được định giá theo kết quả thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư Tài chính Bưu điện trong năm 2014 và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Hợp đồng đóng tàu

Doanh thu hợp đồng đóng tàu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định hoặc dựa trên đánh giá phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong trường hợp hợp đồng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện hoặc theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng trong trường hợp hợp đồng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Dịch vụ sửa chữa tàu

Doanh thu từ dịch vụ sửa chữa tàu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi công việc đã hoàn thành và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là đóng mới, sửa chữa và bảo dưỡng tàu thủy.

phần chia theo vùng địa lý của Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần báo cáo.

Bên liên quan

Bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

(r)

Cá

Cá

số

độ

bé

gá

Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính độc lập có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

ĐƠN VỊ CHẾ TẠO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. Thông tin chung

Thuyết minh báo cáo tài chính độc lập này được lập dựa trên các tài liệu và số liệu do Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm cung cấp.

- 1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm
- 2. Địa chỉ: ...

Đơn vị: VNĐ

TỔNG

CHỐT

CHỐT

Đón tàu Sông Cấm

Đón tàu Sông Cấm

Đón tàu Sông Cấm

Đón tàu Sông Cấm

Đón tàu Sông Cấm

Đón tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2015	Hà Lan VND	Việt Nam VND	Tổng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	652.688.805.767	29.539.023.978	682.227.829.745
Kết quả kinh doanh của bộ phận	122.816.417.834	(5.141.996.446)	117.674.421.388
Thu nhập không phân bổ			5.486.383.374
Chi phí không phân bổ			(181.994.365.944)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			(58.833.561.182)
Thu nhập khác			171.496.013.463
Chi phí khác			(420.997.250)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(25.349.964.829)
Lợi nhuận thuần sau thuế			86.891.490.202
	Hà Lan VND	Việt Nam VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2016			
Tài sản của bộ phận	93.342.958.400	991.456.903.373	1.084.799.861.773
Tổng tài sản			1.084.799.861.773
Các khoản nợ phải trả không phân bổ			267.960.997.626
Tổng nợ phải trả			267.960.997.626
	Hà Lan VND	Việt Nam VND	Tổng VND
Năm 2015			
Chi tiêu vốn			47.897.043.681
Khấu hao tài sản cố định hữu hình			48.013.961.106
Khấu hao tài sản cố định vô hình			431.231.167

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.332.717.000	1.026.635.000
Tiền gửi ngân hàng	103.611.796.059	49.242.738.541
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	67.000.000.000
	<hr/> 129.944.513.059	<hr/> 117.269.373.541 <hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Damen Shipyards Hà Lan	113.314.970.440	93.342.958.400
Công ty TNHH Đóng tàu Damen – Sông Cấm	7.965.286.654	6.743.598.760
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	8.014.692.933	3.595.604.933
Các khách hàng khác	2.413.215.893	3.585.344.868
	<hr/> 131.708.165.920	<hr/> 107.267.506.961 <hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Đóng tàu Damen – Sông Cấm	7.965.286.654	6.743.598.760
Công ty con của Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy (“CNTT”) và Xây dựng Hồng Bàng	89.427.610	89.427.610
Công ty TNHH Một thành viên (“MTV”) Đóng tàu Hạ Long	11.952.500	11.952.500
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Cam Ranh	189.284.583	-
	<hr/> 8.255.951.347	<hr/> 6.844.978.870 <hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2016			Thời gian quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.485.609.758	(1.485.609.758)	-
Công ty Cổ phần CNTT và Xây dựng Hồng Bàng	Trên 3 năm	89.427.610	(89.427.610)	-	Trên 3 năm	89.427.610	(89.427.610)	-
		<u>89.427.610</u>	<u>(89.427.610)</u>	-		<u>1.575.037.368</u>	<u>(1.575.037.368)</u>	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(89.427.610)</u>				<u>(1.575.037.368)</u>	

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	20.758.159.897	-
Nguyên vật liệu	110.660.278.338	-	125.683.830.841	-
Công cụ và dụng cụ	1.643.395.553	-	2.462.833.388	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.703.689.298	(2.991.367.073)	58.576.369.413	-
	<u>187.007.363.189</u>	<u>(2.991.367.073)</u>	<u>207.481.193.539</u>	-

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	254.387.460.848	92.673.362.286	169.556.653.034	2.029.811.804	518.647.287.972
Tăng trong năm	547.187.429	7.793.955.497	25.365.354.529	147.678.003	33.854.175.458
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.753.938.714	-	-	-	3.753.938.714
Thanh lý	(8.079.888.452)	(1.282.080.434)	(27.950.498.823)	-	(37.312.467.709)
Xóa sổ	(720.065.455)	-	-	-	(720.065.455)
Phân loại lại	(394.545.455)	394.545.455	-	-	-
Số dư cuối năm	249.494.087.629	99.579.782.804	166.971.508.740	2.177.489.807	518.222.868.980
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	115.134.500.824	63.955.976.424	124.314.576.902	1.463.097.241	304.868.151.391
Khấu hao trong năm	19.020.714.659	10.378.940.508	26.486.730.423	345.636.632	56.232.022.222
Thanh lý	(7.929.268.099)	(1.145.667.459)	(26.451.866.442)	-	(35.526.802.000)
Xóa sổ	(324.029.452)	-	-	-	(324.029.452)
Phân loại lại	(11.836.368)	11.836.368	-	-	-
Số dư cuối năm	125.890.081.564	73.201.085.841	124.349.440.883	1.808.733.873	325.249.342.161
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	139.252.960.024	28.717.385.862	45.242.076.132	566.714.563	213.779.136.581
Số dư cuối năm	123.604.006.065	26.378.696.963	42.622.067.857	368.755.934	192.973.526.819

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 116.622 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 144.354 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.675.782.290	2.085.335.543	64.761.117.833
Tăng trong năm	-	350.000.000	350.000.000
Số dư cuối năm	62.675.782.290	2.435.335.543	65.111.117.833
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.697.075.759	1.697.075.759
Khấu hao trong năm	-	339.093.114	339.093.114
Số dư cuối năm	-	2.036.168.873	2.036.168.873
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	62.675.782.290	388.259.784	63.064.042.074
Số dư cuối năm	62.675.782.290	399.166.670	63.074.948.960

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.730 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.130 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	99.964.364.770	89.959.067.509
Tăng trong năm	65.709.120.102	28.524.872.585
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.753.938.714)	(14.243.787.377)
Chuyển sang đầu tư vào công ty liên kết	-	(4.275.787.947)
Số dư cuối năm	161.919.546.158	99.964.364.770

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Xây dựng đường vào khu nhà máy đóng tàu Sông Cấm 2	95.114.537.954	94.860.476.227
Xây dựng xưởng đóng tàu trong nhà	66.805.008.204	5.103.888.543
	<hr/>	<hr/>
	161.919.546.158	99.964.364.770

12. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đóng tàu Damen Sông Cấm (“Damen Sông Cấm”), một công ty được thành lập tại Việt Nam, trong đó Công ty sở hữu 30% vốn điều lệ và Công ty Damen Holding Vietnam B.V sở hữu 70% vốn điều lệ còn lại.

Giá trị của khoản đầu tư được ghi nhận dựa trên biên bản giao nhận góp vốn liên doanh được ký giữa Công ty và Công ty Damen Holding Vietnam B.V vào ngày 1 tháng 7 năm 2013.

Khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập tương ứng với phần trách nhiệm của Công ty trong số lỗ lũy kế của Damen Sông Cấm từ năm 2013 tới nay.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Sino Chanel Asia Limited	-	19.342.328.892
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	8.559.068.209	-
Công ty TNHH Khí công nghiệp Việt Nam	1.849.030.667	1.951.470.208
Các nhà cung cấp khác	6.853.024.602	9.773.525.360
	<hr/>	<hr/>
	17.261.123.478	31.067.324.460

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	80.080.434	(80.080.434)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.704.712.523	9.583.725.396	(24.755.061.918)	8.533.376.001
Thuế nhà đất	-	928.571.000	(928.571.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	329.599.600	1.950.697.202	(1.876.250.002)	404.046.800
Các loại thuế khác	-	1.154.356.220	(1.154.356.220)	-
	24.034.312.123	13.697.430.252	(28.794.319.574)	8.937.422.801

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	8.500.000	4.388.279
Chi phí trích trước liên quan đến các hợp đồng đóng tàu đã bàn giao	13.465.551.446	11.005.094.010
Các khoản trích trước khác	1.734.563.461	636.464.150
	15.208.614.907	11.645.946.439

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Bảo hiểm xã hội	50.339.096	86.752.796
Cổ tức phải trả	27.481.592.950	737.965.000
Phải trả Tổng Công ty CNTT (“SBIC”) (*)	67.113.886.769	58.463.486.769
Phải trả khác	1.151.081.017	1.462.568.340
	95.796.899.832	60.750.772.905

(*) Đây là khoản nhận hỗ trợ từ SBIC để đóng tàu Bạch Long Vỹ, không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	9.873.628.600	9.873.628.600	63.358.757.982	(59.632.386.582)	13.600.000.000	13.600.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Xuất nhập khẩu – Chi nhánh Hải Phòng	VND	8% - 9%	13.600.000.000	9.873.628.600

Các khoản vay ngân hàng được vay theo hình thức tín chấp.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	35.740.451.610	29.970.284.285

Khoản dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu tới các tàu đã giao. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm tương tự.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối sau khi được các cổ đông phê duyệt. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	27.339.731.506	19.960.870.663
Trích lập trong năm	3.288.377.907	12.295.940.033
Chi phí khấu hao của tài sản được hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(221.643.442)	(449.408.670)
Sử dụng trong năm	(7.568.069.012)	(4.467.670.520)
Số dư cuối năm	22.838.396.959	27.339.731.506

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	619.689.260.000	-	94.776.082.975	77.492.230.586	791.957.573.561
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.891.490.202	86.891.490.202
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.295.940.033	(12.295.940.033)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.295.940.033)	(12.295.940.033)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(49.714.259.583)	(49.714.259.583)
Điều chuyển giữa các quỹ	-	14.260.192.185	(14.260.192.185)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	619.689.260.000	14.260.192.185	92.811.830.823	90.077.581.139	816.838.864.147
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	33.767.122.325	33.767.122.325
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.288.377.907)	(3.288.377.907)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(30.984.463.000)	(30.984.463.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	619.689.260.000	14.260.192.185	92.811.830.823	89.571.862.557	816.333.145.565

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Đã duyệt và đã phát hành	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	61.968.926	619.689.260.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Danh sách cổ đông như sau:

	31/12/2016 và 1/1/2016		Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	55.823.850	558.238.500.000	90,08%
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	4.672.278	46.722.780.000	7,54%
Người lao động	1.472.798	14.727.980.000	2,38%
	61.968.926	619.689.260.000	100%

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 30.984 triệu VND (2015: khoản cổ tức năm 2014 là 49.714 triệu VND).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản đã được sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần hoặc Vốn khác.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.060.803.000	1.060.803.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.215.476.000	4.243.212.000
Sau năm năm	2.732.259.000	2.762.764.000
	7.008.538.000	8.066.779.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.192.676	95.224.863.339	1.326.495	29.779.816.567
EUR	234.550	5.611.561.659	31.751	775.649.607
		100.836.424.998		30.555.466.174

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.485.609.758	-
	1.485.609.758	-

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
▪ Hợp đồng đóng tàu	428.129.137.609	652.688.805.767
▪ Dịch vụ sửa chữa tàu và dịch vụ khác	16.448.293.348	18.938.897.383
▪ Bán phế liệu	3.849.369.079	10.600.126.595
	<hr/>	<hr/>
	448.426.800.036	682.227.829.745
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hợp đồng đóng tàu	342.967.962.597	529.872.387.933
▪ Dịch vụ sửa chữa tàu và dịch vụ khác	11.393.810.660	24.118.147.680
▪ Bán phế liệu	3.977.703.455	10.562.872.744
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.991.367.073	-
	<hr/>	<hr/>
	361.330.843.785	564.553.408.357
	<hr/>	<hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	1.181.314.223	3.139.693.867
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.758.856.086	2.346.689.507
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	715.140.329	-
	<hr/>	<hr/>
	3.655.310.638	5.486.383.374
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đong tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	472.889.521	128.667.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.689.782.784	26.911.197.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	- (10.534.990.333)	74.790.476 68.305.908.015
	(8.372.318.028)	95.420.563.191

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	66.902.080.768	67.513.038.367
Chi phí khấu hao	1.959.274.453	1.863.038.476
Chi phí tiếp khách	4.266.832.461	2.746.920.391
Chi phí sửa chữa	718.892.747	3.759.623.220
Thuế, phí và lệ phí	957.214.380	1.194.409.380
Chi phí khác	7.382.859.596	9.496.772.919
	82.187.154.405	86.573.802.753

30. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	136.574.297.872
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành	15.278.385.180	30.346.141.580
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	13.266.396.105	1.320.650.404
Thu nhập khác	79.254.164	3.254.923.607
	28.624.035.449	171.496.013.463

Công ty Cổ phần Đong tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	150.434.742.805	197.848.211.420
Chi phí nhân công	196.129.937.119	212.639.074.423
Chi phí khấu hao	56.349.471.894	47.995.783.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.804.241.921	30.964.357.378
Chi phí khác	38.694.788.789	73.771.160.248

32. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	9.420.472.862	25.349.964.829
Dự phòng thiếu trong những năm trước	163.252.534	-
	9.583.725.396	25.349.964.829

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.350.847.721	112.241.455.031
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.670.169.544	24.693.120.107
Chi phí không được khấu trừ thuế	750.303.318	656.844.722
Dự phòng thiếu trong các năm trước	163.252.534	-
	9.583.725.396	25.349.964.829

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập ở mức thuế suất thông thường là 20% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2016 (2015: 22%).

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 33.767.122.325 VND (2015: 86.891.490.202 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 61.968.926 cổ phiếu (2015: 61.968.926 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ		
SBIC		
Cổ tức	27.910.804.000	44.657.286.112
Nhận hỗ trợ để đóng tàu Bạch Long Vỹ	8.650.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	205.709.091	-
Mua dịch vụ	181.818.182	-
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Đóng tàu Damen-Sông Cấm		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.455.940.713	20.661.235.203
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	21.367.248.236
Công ty con của Công ty mẹ		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng		
Cổ tức	2.336.228.000	3.737.965.556
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Cam Ranh		
Cung cấp dịch vụ	391.666.667	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	968.181.818	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng		
Cung cấp dịch vụ	50.000.000	-

Công ty Cổ phần Đón tàu Sông Cấm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV Đón tàu Hạ Long Cung cấp dịch vụ	250.909.090	-
Thành viên Hội đồng Quản trị Lương và thù lao đã trả	946.708.700	1.134.531.100
Ban Giám đốc Lương và thù lao đã trả	1.609.005.300	1.240.791.800

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Bù trừ khoản cổ tức phải trả với khoản phải thu	429.223.500	-
Tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	136.574.297.872
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang đầu tư vào công ty liên kết	-	4.275.787.947

25 -04- 2017

Người lập:

Phan Thị Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Hoàng Văn Tùng
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc